

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO THÔNG MINH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO THÔNG MINH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM CREATIVE SMART JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIENAM SMART ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109010729

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 9, Tòa nhà Diamond Flower Tower, 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934396766

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7212     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3314     |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659     |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>. Chi tiết:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;<br>- Bán lẻ nhạc cụ;<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;<br>- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu. | 4759     |
| 8.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                             | 9511        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                            | 3312        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý(loại trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                    | 4652(Chính) |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4741        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                   | 6202        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                       | 6209        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển .Giao nhận hàng hóa.Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển                       | 5229        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 22. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                            | 2610        |
| 23. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                             | 2620        |
| 24. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                        | 2630        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                    | 2640        |
| 26. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                        | 2651        |
| 27. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2652        |
| 28. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                     | 2740        |
| 29. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                             | 2750        |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 2790        |
| 31. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4763        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                   | 4784        |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>Nhóm này cũng gồm:<br>- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;<br>( không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa). | 4791        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | <p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;</li> <li>- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;</li> <li>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (không bao gồm hoạt động đầu giá hàng hóa).</li> </ul> | 4799 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM NGỌC TÂN | Số 13/134 phố Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 031086004505                                                                                |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |

|   |                          |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |
|---|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | TRẦN THỊ<br>ÁNH          | Thôn Xuân Mang,<br>Xã Tuấn Hưng,<br>Huyện Kim<br>Thành, Tỉnh Hải<br>Dương, Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 75.000 | 750.000.000 | 75,000 | 0301880097<br>32 |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Tổng số                            | 75.000 | 750.000.000 | 75,000 |                  |
|   |                          |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |
| 3 | TRƯƠNG<br>QUỐC<br>THƯỜNG | Tổ 7, Khu 3A,<br>Phường Quang<br>Hạnh, Thành phố<br>Cẩm Phả, Tỉnh<br>Quảng Ninh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  | 100864251        |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              | Tổng số                            | 5.000  | 50.000.000  | 5,000  |                  |
|   |                          |                                                                                              |                                    |        |             |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM NGỌC TÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031086004505

Ngày cấp: 13/10/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13/134 phố Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 13/134 phố Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội